



Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số 1256/ GP-UB ngày 16 tháng 6 năm 1994

**Giấy chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số** 0100364579 ngày 10 tháng 4 năm 2015

Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh 21 lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 10 tháng 4 năm 2015. Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Vladislavs Savkins	Chủ tịch
Ông Võ Văn Mai	Phó Chủ tịch
Ông Tôn Quốc Bình	Thành viên
Ông David Đỗ	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên
Ông Phạm Việt Giang	Thành viên
Ông Trịnh Minh Hoàng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Phạm Việt Giang	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Thanh Phúc	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký 152 Thụy Khuê
Quận Tây Hồ, Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 39 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Phạm Việt Giang
Tổng Giám đốc

Hà Nội, **15 -08- 2016**



KPMG Limited

46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri Ward, South Tu Liem District, Hanoi,
Vietnam

Tel: +84 4 3946 1600
Fax: +84 4 3946 1601
www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 8 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 39.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410-Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

12042
NG T
IỂM H
'MC
M - T



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 16-02-226-HN



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2016



Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		476.964.680.958	538.532.639.208
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	111.617.402.748	130.655.775.546
Tiền	111		7.617.402.748	9.925.775.546
Các khoản tương đương tiền	112		104.000.000.000	120.730.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		15.212.100.000	15.050.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	15.212.100.000	15.050.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		237.435.318.109	267.017.457.968
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	118.270.543.329	183.301.017.814
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.227.929.813	8.396.953.735
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	9	77.447.741.150	75.219.108.693
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		2.000.000.000	1.500.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	58.059.008.107	21.635.018.636
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(23.569.904.290)	(23.034.640.910)
Hàng tồn kho	140	12	39.884.727.196	52.671.952.354
Hàng tồn kho	141		40.770.277.022	53.557.502.180
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(885.549.826)	(885.549.826)
Tài sản ngắn hạn khác	150		72.815.132.905	73.137.453.340
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	521.269.153
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		230.251.496	206.307.618
Thuế và các khoản khác phải thu				
Nhà nước	153		584.881.409	409.876.569
Tài sản ngắn hạn khác	155	13	72.000.000.000	72.000.000.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		64.387.458.179	64.478.059.643
Các khoản phải thu dài hạn	210		300.304.000	325.041.380
Phải thu dài hạn khác	216		300.304.000	325.041.380
Tài sản cố định	220		33.856.178.782	35.629.227.087
Tài sản cố định hữu hình	221	14	30.838.444.886	32.279.800.111
Nguyên giá	222		65.766.433.483	65.381.495.015
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.927.988.597)	(33.101.694.904)
Tài sản cố định vô hình	227	15	3.017.733.896	3.349.426.976
Nguyên giá	228		7.445.612.093	7.445.612.093
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.427.878.197)	(4.096.185.117)
Tài sản dở dang dài hạn	240		6.682.361.430	5.834.061.014
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	16	6.682.361.430	5.834.061.014
Đầu tư tài chính dài hạn	250	7(b)	22.186.091.024	21.393.991.947
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		18.334.220.312	17.542.121.235
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.264.044.944	7.264.044.944
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.412.174.232)	(3.412.174.232)
Tài sản dài hạn khác	260		1.362.522.943	1.295.738.215
Chi phí trả trước dài hạn	261		794.641.894	521.295.360
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	567.881.049	774.442.855
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		541.352.139.137	603.010.698.851

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		185.620.496.502	224.921.908.963
Nợ ngắn hạn	310		164.809.953.875	204.332.636.323
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	20.846.611.423	48.634.771.091
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		50.997.809.607	42.616.902.356
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	1.733.959.313	10.572.790.406
Phải trả người lao động	314		778.413.353	9.068.118.925
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	24.340.000	1.173.984.735
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	21	1.410.792.512	1.410.792.513
Phải trả ngắn hạn khác	319	22(a)	78.298.582.267	77.275.669.697
Vay ngắn hạn	320	23	10.719.445.400	13.579.606.600
Nợ dài hạn	330		20.810.542.627	20.589.272.640
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	21	18.170.519.194	18.875.915.451
Phải trả dài hạn khác	337	22(b)	817.949.600	728.549.600
Dự phòng phải trả dài hạn	342	24	1.822.073.833	984.807.589
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		355.731.642.635	378.088.789.888
Vốn chủ sở hữu	410	25	355.731.642.635	378.088.789.888
Vốn cổ phần	411	26	225.590.300.000	225.590.300.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		225.590.300.000	225.590.300.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		136.237.470.000	136.237.470.000
Cổ phiếu quỹ	415		(19.010.756.592)	(19.010.756.592)
Quỹ đầu tư phát triển	418	28	19.628.990.984	19.628.990.984
(Lỗ lũy kế)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(6.438.511.653)	15.915.695.597
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		2.897.077.400	752.523.710
- <i>(Lỗ)/LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		(9.335.589.053)	15.163.171.887
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(275.850.104)	(272.910.101)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		541.352.139.137	603.010.698.851

15 -08- 2016

Người lập:

Nguyễn Hải Yên

Nguyễn Hải Yên
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Trần Hiền
Nguyễn Trần Hiền
Kế toán trưởng



Phạm Việt Giang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 02a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	131.445.451.136	144.081.679.623
Giá vốn hàng bán	11	31	114.044.331.045	112.385.879.308
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		17.401.120.091	31.695.800.315
Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	5.081.656.648	1.616.514.759
Chi phí tài chính	22	33	1.590.983.135	637.938.839
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.426.059.984</i>	<i>47.261.473</i>
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	7	792.099.077	640.301.531
Chi phí bán hàng	25	34	16.236.979.045	15.698.964.242
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35	15.806.177.028	21.428.599.427
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		(10.359.263.392)	(3.812.885.903)
Thu nhập khác	31	36	1.817.772.174	902.234.760
Chi phí khác	32		406.436.559	304.960.056
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.411.335.615	597.274.704
Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(8.947.927.777)	(3.215.611.199)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	38	181.099.470	179.689.496
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	38	206.561.806	3.592.504.653
Lỗ sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(9.335.589.053)	(6.987.805.348)
Phân bổ:				
Lỗ sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		(9.332.649.050)	(6.987.805.348)
Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(2.940.003)	-
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	39	(433)	(324)

Người lập:



Nguyễn Hải Yến
 Kế toán tổng hợp

15 -08- 2016

Người duyệt:


 Nguyễn Trần Hiền
 Kế toán trưởng


 Phạm Việt Giang
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lỗ trước thuế	01		(8.947.927.777)	(3.215.611.199)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		2.157.986.773	2.486.298.913
Các khoản dự phòng	03		1.372.529.624	5.724.424.548
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(408.655.205)	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.553.779.217)	(2.026.556.326)
Chi phí lãi vay	06		1.426.059.984	47.261.473
(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(8.953.785.818)	3.015.817.409
Biến động các khoản phải thu	09		29.751.978.021	(17.513.171.763)
Biến động hàng tồn kho	10		11.938.924.742	(44.561.504.272)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(31.291.536.051)	2.340.498.563
Biến động chi phí trả trước	12		247.922.619	(258.492.723)
			1.693.503.513	(56.976.852.786)
Tiền lãi vay đã trả	14		(516.427.483)	(47.261.473)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.183.289.626)	(1.386.797.058)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(6.006.213.596)	(58.410.911.317)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(384.938.468)	(34.190.000)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(662.100.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	1.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		3.761.680.140	1.991.154.795
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.714.641.672	2.956.964.795

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.



Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		10.674.245.400	41.611.366.870
Tiền trả nợ gốc vay	34		(13.534.406.600)	(41.611.366.870)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(12.889.881.850)	(17.362.077.602)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(15.750.043.050)	(17.362.077.602)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(19.041.614.974)	(72.816.024.124)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		130.655.775.546	117.643.381.917
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		3.242.176	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	6	111.617.402.748	44.827.357.793

15 -08- 2016

Người lập:



Nguyễn Hải Yến
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Trần Hiền
Kế toán trưởng




Phạm Việt Giang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết và liên doanh.

(b) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các công ty con và công ty liên doanh, liên kết sau:

	Địa chỉ	% sở hữu và biểu quyết	
		30/6/2016	1/1/2016
Công ty con			
Cấp 1			
Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư HIPT (“HIPT Invest”)	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
Công ty TNHH Giải pháp Ngân hàng và Tài chính HIPT (“HIBF Ltd.”)	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
Công ty TNHH Giải pháp và Tư vấn Công nghệ HIPT (HISC)	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn Nhân lực Chân trời mới Hà Nội (“New Horizons JSC”)	Hà Nội, Việt Nam	78%	78%
Công ty TNHH MTV HIPT Sài Gòn (“HISG Ltd.”)	TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%
Công ty TNHH Hệ thống Dịch vụ Công nghệ HIPT (“HISN Ltd.”)	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
Trường Trung cấp nghề Kỹ nghệ thực hành HIPT (“HIPT School”)	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%
Cấp 2			
Công ty Cổ phần Năng lượng Công nghệ cao (“Hi-Power Tech”)(*)	Hà Nội, Việt Nam	55%	55%
Công ty liên kết			
Công ty Cổ phần Đội Công nghệ 3D Hà Nội	Hà Nội, Việt Nam	25%	25%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ nghệ Hàng không Việt	Hà Nội, Việt Nam	35%	35%
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Lam Hồng	Hà Tĩnh, Việt Nam	27%	27%
Công ty TNHH Giải pháp HIMC	Hà Nội, Việt Nam	32%	32%
Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không	Hà Nội, Việt Nam	22%	22%
Công ty liên doanh			
Thời báo doanh nhân	Hà Nội, Việt Nam	50%	50%

(*) Công ty Hi-Power Tech là công ty con của Công ty HIPT Invest.

Công ty và các công ty con sau đây gọi chung là “Tập đoàn”.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tập đoàn có 228 nhân viên (1/1/2016: 233 nhân viên).

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tập đoàn là cung cấp các dịch vụ và sản phẩm liên quan đến công nghệ thông tin (“CNTT”) như tích hợp hệ thống, phát triển và dịch vụ phần mềm, phân phối các sản phẩm CNTT, bảo dưỡng và bảo trì thiết bị CNTT và hệ thống CNTT.

(d) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.



Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(iv) Các giao dịch loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

12042
IG T
HỆM HỮ
'MG
M - V

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.



Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	25 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 6 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 25 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 8 năm.

(i) Giá trị hợp đồng xây dựng dở dang

Giá trị hợp đồng xây dựng dở dang được phản ánh theo giá vốn cộng với lợi nhuận ước tính cho đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Giá vốn phản ánh các khoản chi phí liên quan trực tiếp và có thể tính vào giá thành theo hợp đồng xây dựng. Khoản chênh lệch của giá trị hợp đồng xây dựng cơ bản dở dang cao hơn hoặc thấp hơn so với thanh toán theo tiến độ kế hoạch và tạm ứng từ khách hàng được thể hiện là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 15 đến 36 tháng.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được tiền góp vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(iii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ tích hợp hệ thống, phát triển và dịch vụ phần mềm ứng dụng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành được xác định dựa trên khối lượng công việc thực hiện bao gồm tiến độ thực tế, thời gian làm việc hay tỷ lệ chi phí đã phát sinh trên tổng chi phí ước tính. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu từ các dịch vụ bảo hành thiết bị công nghệ thông tin và bảo trì hệ thống được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn cung cấp dịch vụ.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(r) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc cho rằng Tập đoàn hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin tại một vùng địa lý duy nhất là Việt Nam với các điều kiện kinh tế, chính trị và các quy định như nhau.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

(a) Thuế

Theo các quy định hiện hành về thuế, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính toán và quyết toán tại thời điểm cuối năm. Chi phí thuế thu nhập của kỳ kết thúc giữa niên độ được tính theo thuế suất là 20%. Thuế thu nhập của Tập đoàn được tính toán và quyết toán vào cuối năm.

(b) Thưởng hiệu quả kinh doanh và hiệu quả hoạt động cho nhân viên

Công ty xác định và ghi nhận khoản thưởng hiệu quả kinh doanh và hiệu quả hoạt động cho nhân viên dựa vào việc đánh giá kết quả làm việc của nhân viên và kết quả kinh doanh của Công ty tại thời điểm cuối năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Các khoản mục bất thường

Tập đoàn không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền mặt	411.890.527	585.861.322
Tiền gửi ngân hàng	7.205.512.221	9.339.914.224
Các khoản tương đương tiền	104.000.000.000	120.730.000.000
	111.617.402.748	130.655.775.546

Các khoản tương đương bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 5,4% đến 5,5% một năm.

7. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	15.212.100.000	15.050.000.000

Tiền gửi có kỳ hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 5,4% đến 6% một năm.

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Đầu tư vốn dài hạn tại:		
▪ các công ty liên kết, liên doanh	18.334.220.312	17.542.121.235
▪ các đơn vị khác	7.264.044.944	7.264.044.944
	25.598.265.256	24.806.166.179
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(3.412.174.232)	(3.412.174.232)
	22.186.091.024	21.393.991.947

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động các khoản đầu tư tại các công ty liên kết và liên doanh trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Số dư đầu kỳ	17.542.121.235	18.131.120.508
Lãi từ đầu tư vào các công ty liên kết và liên doanh	792.099.077	640.301.531
Cổ tức được chia	-	(604.900.000)
	18.334.220.312	18.166.522.039

Chi tiết các khoản đầu tư vào các đơn vị khác như sau:

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ nền di động Việt Nam	6.764.044.944	6.764.044.944
Công ty Cổ phần Thông tin Hapro	500.000.000	500.000.000
	7.264.044.944	7.264.044.944

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty TNHH HIPT Mobile	20.211.202.156	20.211.202.156
Nina International	30.938.001.990	39.386.539.590
Tập đoàn Vingroup - Công ty CP	8.564.259.456	18.402.483.355
Tổng cục Cảnh sát Quản lý hậu cần về trật tự, an toàn xã hội, Bộ Công An, Việt Nam	5.572.932.526	17.671.015.151
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Campuchia	11.715.900.000	11.715.900.000
Các khách hàng khác	41.268.247.201	75.913.877.562
	118.270.543.329	183.301.017.814

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Lũy kế doanh thu hợp đồng ghi nhận tại thời điểm đầu năm	75.219.108.693	109.921.029.029
Doanh thu theo hợp đồng ghi nhận trong năm	8.460.619.447	49.461.014.849
Lũy kế doanh thu hợp đồng ghi nhận tại thời điểm cuối năm	83.679.728.140	159.382.043.878
Hóa đơn phát hành theo tiến độ và các khoản tạm ứng của khách hàng	(6.231.986.990)	(84.162.935.185)
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	77.447.741.150	75.219.108.693

10. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Phải thu khác từ các cá nhân góp vốn đầu tư xây dựng cơ bản	3.136.777.305	2.591.504.028
Tạm ứng cho nhân viên (*)	52.647.902.696	17.324.958.541
Ký cược, ký quỹ	72.203.000	47.340.000
Phải thu khác	2.202.125.106	1.671.216.067
	58.059.008.107	21.635.018.636

(*) Tạm ứng cho nhân viên bao gồm các khoản tạm ứng phục vụ cho việc triển khai các dự án của Tập đoàn và dự kiến sẽ được hoàn ứng khi các dự án hoàn thành. Bao gồm trong các khoản tạm ứng cho nhân viên có 22.490 triệu VND là tạm ứng cho các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc (1/1/2016: 6.181 triệu VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Nợ xấu và nợ khó đòi

	30/6/2016			1/1/2016				
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH								
HIPT Mobile	Trên 3 năm	20.185.821.911	(20.185.821.911)	-	Trên 2 năm	20.185.821.911	(20.185.821.911)	-
Khác	Trên 3 năm	3.387.654.878	(3.384.082.379)	3.572.499	2-3 năm	2.861.382.798	(2.848.818.999)	12.563.799
		<u>23.573.476.789</u>	<u>(23.569.904.290)</u>	<u>3.572.499</u>		<u>23.047.204.709</u>	<u>(23.034.640.910)</u>	<u>12.563.799</u>

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn (23.569.904.290)

(23.034.640.910)

Ban Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác quá hạn căn cứ vào thời gian quá hạn và mức dự phòng cần trích lập theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính ngày 7 tháng 12 năm 2009.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Hàng tồn kho

	30/6/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	8.565.200.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	21.529.967.586	-	25.472.449.648	-
Hàng hóa	18.856.545.108	(885.549.826)	19.136.088.204	(885.549.826)
Hàng gửi đi bán	383.764.328	-	383.764.328	-
	40.770.277.022	(885.549.826)	53.557.502.180	(885.549.826)

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có 925 triệu VND hàng hóa (1/1/2016: 925 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

13. Tài sản ngắn hạn khác

Tài sản ngắn hạn khác phản ánh khoản đầu tư vào 7.200.000 cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt (“Ngân hàng Bảo Việt”).

Tháng 1 năm 2011, Công ty đã ký kết thỏa thuận chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần này cho một bên thứ ba với giá 10.000 VND một cổ phiếu. Theo đó, ngày 17 tháng 1 năm 2011, Công ty nhận được khoản thanh toán trị giá 72 tỷ VND. Theo thỏa thuận, việc chuyển nhượng cổ phiếu sẽ được diễn ra muộn nhất vào ngày 11 tháng 12 năm 2013 và trong thời gian chờ chuyển nhượng, toàn bộ lợi ích liên quan đến khoản đầu tư này thuộc về bên thứ ba nói trên. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, các thủ tục liên quan đến việc chuyển giao quyền sở hữu cổ phiếu từ Công ty sang bên thứ ba vẫn chưa được hoàn tất. Do vậy, Công ty hạch toán giá gốc 72 tỷ VND của khoản đầu tư vào Tài sản ngắn hạn khác và ghi nhận số tiền 72 tỷ VND nhận được từ bên thứ ba vào Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 22(a)).

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	40.849.504.796	4.281.532.813	1.068.413.025	19.182.044.381	65.381.495.015
Tăng trong kỳ	-	-	-	384.938.468	384.938.468
Số dư cuối kỳ	40.849.504.796	4.281.532.813	1.068.413.025	19.566.982.849	65.766.433.483
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	11.334.228.760	4.162.823.137	290.108.706	17.314.534.301	33.101.694.904
Khấu hao trong kỳ	1.021.382.670	26.666.664	53.016.930	725.227.429	1.826.293.693
Số dư cuối kỳ	12.355.611.430	4.189.489.801	343.125.636	18.039.761.730	34.927.988.597
Số dư đầu kỳ	29.515.276.036	118.709.676	778.304.319	1.867.510.080	32.279.800.111
Số dư cuối kỳ	28.493.893.366	92.043.012	725.287.389	1.527.221.119	30.838.444.886

Trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có 16.371 triệu VND liên quan đến khu nhà thấp tầng tại cùng địa chỉ với Công ty. Việc xây dựng khu nhà này một phần do các cá nhân tài trợ với số tiền là 25.349 triệu VND (Thuyết minh 21). Việc xây dựng khu nhà này đã hoàn thành, tuy nhiên, Tập đoàn và các cá nhân liên quan vẫn chưa thỏa thuận xong về quyền sở hữu khu nhà và các nghĩa vụ tài chính của các bên. Trong những năm trước, Tập đoàn đã thực hiện kết chuyển tài sản này từ Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sang Tài sản cố định hữu hình và bắt đầu thực hiện trích khấu hao theo thời hạn thuê đất còn lại của khu nhà thấp tầng này.

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 14.850 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 9.639 triệu VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Thương hiệu VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	3.926.442.619	588.000.000	2.931.169.474	7.445.612.093
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	1.727.634.756	544.982.408	1.823.567.953	4.096.185.117
Khấu hao trong kỳ	78.528.852	-	253.164.228	331.693.080
Số dư cuối kỳ	1.806.163.608	544.982.408	2.076.732.181	4.427.878.197
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	2.198.807.863	43.017.592	1.107.601.521	3.349.426.976
Số dư cuối kỳ	2.120.279.011	43.017.592	854.437.293	3.017.733.896

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 385 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (1/1/2016: 385 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

16. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Dự án Xây dựng phần mềm phân tích dự báo kinh tế, đào tạo cán bộ phát triển phần mềm và cán bộ quản trị phần mềm - Bộ Kế hoạch và Đầu tư	6.323.225.522	5.834.061.014
Dự án khác	359.135.908	-
	6.682.361.430	5.834.061.014

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến các dự án dài hạn được phân loại là chi phí sản xuất kinh doanh dài hạn. Thời gian thực hiện các dự án này dài hơn chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn do đặc thù triển khai nhiều giai đoạn của các dự án. Ban Giám đốc đánh giá có thể thu hồi được toàn bộ các chi phí sản xuất kinh doanh đã phát sinh của các dự án này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

(a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

	Thuế suất	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Chênh lệch tỷ giá	20%	567.881.049	774.442.855

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản lỗ tính thuế sau của các công ty trong Tập đoàn:

	30/6/2016		1/1/2016	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
HIPT Group JSC	6.605.021.571	1.321.004.314	-	-
HIPT Invest	2.628.792.898	525.758.580	2.793.426.447	558.685.289
New Horizons JSC	46.777.499	9.355.500	90.429.712	18.085.942
HIPT School	131.209.629	26.241.926	190.879.123	38.175.825
HISN Ltd.	3.396.850.955	679.370.191	5.135.772.627	1.027.154.525
HIBF Ltd.	5.191.986.565	1.038.397.313	-	-
HISG Ltd.	4.782.917.215	956.583.443	4.780.080.282	956.016.056
Hi-Power Tech	2.892.713.082	578.542.616	3.476.028.374	695.205.675
	25.676.269.414	5.135.253.883	16.466.616.565	3.293.323.312

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ	
		30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
2016	Chưa quyết toán	2.435.944.805	4.871.889.611
2017	Chưa quyết toán	10.183.755.243	10.348.388.792
2018	Chưa quyết toán	34.756.802	34.756.802
2019	Chưa quyết toán	199.287.835	199.287.835
2020	Chưa quyết toán	1.012.293.525	1.012.293.525
2021	Chưa quyết toán	11.810.231.204	-
		25.676.269.414	16.466.616.565

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các công ty nêu trên có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Phải trả người bán ngắn hạn****(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn**

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty TNHH Thiết bị điện Thăng Long Sài Gòn	11.119.215.000	11.119.215.000
Công ty TNHH Phần mềm và Công nghệ Thông tin Hewlett-Packard Việt Nam	3.134.129.724	-
Ingram Micro Asia Co., Ltd.	2.171.181.735	6.494.293.322
EZY Infotech Pte. Ltd.	-	8.565.200.000
Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Miền Nam	-	6.600.186.120
Các nhà cung cấp khác	4.422.084.964	15.855.876.649
	20.846.611.423	48.634.771.091

Ban Giám đốc đánh giá Tập đoàn có khả năng trả nợ cho toàn bộ các số dư phải trả này.

(b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty TNHH Thiết bị điện Thăng Long Sài Gòn	11.119.215.000	-
Công ty TNHH Công nghệ Niềm Tin	233.137.500	-
Cty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Tư vấn Công nghệ TCT	147.473.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Tinh Vân	95.000.000	95.000.000
Các nhà cung cấp khác	309.713.583	197.661.976
	11.904.539.083	292.661.976

Ban Giám đốc đánh giá Tập đoàn có khả năng trả nợ cho toàn bộ các số dư phải trả này.



Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.082.695.519	13.309.716.922	(15.411.076.549)	981.335.892
Thuế xuất nhập khẩu	-	2.593.340	(1.922.890)	670.450
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.183.564.626	181.099.470	(7.183.289.626)	181.374.470
Thuế thu nhập cá nhân	300.770.372	2.356.503.093	(2.092.454.853)	564.818.612
Thuế và các khoản phải nộp khác	5.759.889	169.562.613	(169.562.613)	5.759.889
	10.572.790.406	16.019.475.438	(24.858.306.531)	1.733.959.313

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Chi phí phải trả thực hiện hợp đồng	24.340.000	1.173.984.735

21. Doanh thu chưa thực hiện

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Doanh thu nhận trước	19.581.311.706	20.286.707.964
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	1.410.792.512	1.410.792.513
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	18.170.519.194	18.875.915.451

Doanh thu nhận trước là số tiền nhận được từ các cá nhân liên quan đến việc xây dựng Khu nhà 152 Thụy Khuê (Thuyết minh 14), và phân bổ vào doanh thu cho thuê theo thời hạn thuê đất của khu nhà thấp tầng này là 18 năm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2012.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Các khoản phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tạm ứng nhận được từ một bên thứ ba liên quan đến việc mua cổ phần tại Ngân hàng Bảo Việt (Thuyết minh 13)	72.000.000.000	72.000.000.000
Các khoản phải nộp Nhà nước khác (*)	2.656.280.900	2.656.280.900
Phải trả cổ tức	451.080.725	319.404.375
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.191.220.642	2.299.984.422
	<hr/>	<hr/>
	78.298.582.267	77.275.669.697
	<hr/>	<hr/>

(*) Phản ánh khoản phải nộp Nhà nước liên quan đến việc hủy bỏ Đề án 112 từ Chính phủ - để cài đặt phần mềm tích hợp tại các cơ quan Nhà nước trên toàn quốc.

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	291.649.600	202.249.600
Nguồn vốn đầu tư ủy thác	526.300.000	526.300.000
	<hr/>	<hr/>
	817.949.600	728.549.600
	<hr/>	<hr/>



Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***23. Vay ngắn hạn**

	1/1/2016 Giá trị ghi sổ VND	Biến động trong kỳ		30/6/2016 Giá trị ghi sổ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	13.579.606.600	10.674.245.400	(13.534.406.600)	10.719.445.400

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Vay từ 1 ngân hàng Thương mại Cổ phần	VND	7,67%	10.674.245.400	13.534.406.600
Khoản vay từ 1 công ty liên quan	VND	0%	45.200.000	45.200.000
			10.719.445.400	13.579.606.600

Tất cả các khoản vay ngắn hạn đều không được đảm bảo. Khoản vay từ công ty liên quan phải trả khi yêu cầu.

24. Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động của các khoản dự phòng trong kỳ như sau:

	Bảo hành VND
Số dư đầu kỳ	984.807.589
Dự phòng lập trong kỳ (Thuyết minh 34)	837.266.244
Số dư cuối kỳ	1.822.073.833



Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	(Lỗ lũy kế)/ lợi nhuận chưa phân phối VND	Cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	225.590.300.000	136.237.470.000	(19.010.756.592)	19.628.990.984	17.841.771.211	-	380.287.775.603
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	(6.987.805.348)	-	(6.987.805.348)
Cổ tức	-	-	-	-	(17.362.077.602)	-	(17.362.077.602)
Ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 202	-	-	-	-	272.946.101	(272.946.101)	-
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	225.590.300.000	136.237.470.000	(19.010.756.592)	19.628.990.984	(6.235.165.638)	(272.946.101)	355.937.892.653
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	225.590.300.000	136.237.470.000	(19.010.756.592)	19.628.990.984	15.915.695.597	(272.910.101)	378.088.789.888
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	(9.332.649.050)	(2.940.003)	(9.335.589.053)
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	-	(13.021.558.200)	-	(13.021.558.200)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	225.590.300.000	136.237.470.000	(19.010.756.592)	19.628.990.984	(6.438.511.653)	(275.850.104)	355.731.642.635

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2016 và 1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	22.559.030	225.590.300.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	22.559.030	225.590.300.000
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	(985.047)	(19.010.756.592)
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	21.573.983	206.579.543.408

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

27. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 23 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 13.022 triệu VND, tương đương 600 VND trên một cổ phiếu (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015: 17.362 triệu VND).

28. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

	30/6/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.187	26.449.558	14.052	313.100.940
EUR	95	2.358.698	101	2.476.135
		28.808.256		315.577.075

(b) Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Phải thu Công ty Cho thuê Tài chính BIDV	Không còn giao dịch	2015	221.736.000	221.736.000
Phải thu Ông Trần Phúc Toàn	Không còn giao dịch	2015	148.500.000	148.500.000
Phải thu Văn phòng Nokia tại Hà Nội	Không còn giao dịch	2015	87.708.660	87.708.660
Phải thu các khách hàng khác	Không còn giao dịch	2015	761.676.217	761.676.217
			1.219.620.877	1.219.620.877

30. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Bán hàng	94.028.909.761	108.540.046.936
Cung cấp dịch vụ	35.901.655.496	33.032.037.122
Cho thuê	1.514.885.879	2.509.595.565
	131.445.451.136	144.081.679.623

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Hàng hoá đã bán	84.902.777.182	85.630.031.147
Dịch vụ đã cung ứng	28.535.227.865	26.149.522.163
Cho thuê	606.325.998	606.325.998
	<hr/>	<hr/>
	114.044.331.045	112.385.879.308
	<hr/>	<hr/>

32. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	3.761.680.140	1.386.254.795
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	911.321.303	129.076.464
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	408.655.205	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	101.183.500
	<hr/>	<hr/>
	5.081.656.648	1.616.514.759
	<hr/>	<hr/>

33. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.426.059.984	47.261.473
Lỗ chênh lệch tỷ giá	161.518.450	87.419.774
Dự phòng tổn thất đầu tư	-	429.207.384
Chi phí tài chính khác	3.404.701	74.050.208
	<hr/>	<hr/>
	1.590.983.135	637.938.839
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên	11.291.101.068	6.971.491.765
Chi phí triển khai dự án	-	4.192.522.711
Chi phí dự phòng bảo hành (Thuyết minh 24)	837.266.244	-
Chi phí bán hàng khác	4.108.611.733	4.534.949.766
	<hr/>	<hr/>
	16.236.979.045	15.698.964.242
	<hr/>	<hr/>

35. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên	8.530.596.589	6.359.238.426
Chi phí khấu hao	1.498.432.241	1.809.059.521
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	535.263.380	5.552.389.404
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.241.884.818	7.707.912.076
	<hr/>	<hr/>
	15.806.177.028	21.428.599.427
	<hr/>	<hr/>

36. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Giảm giá từ nhà cung cấp	1.796.394.456	396.429.595
Các khoản khác	21.377.718	505.805.165
	<hr/>	<hr/>
	1.817.772.174	902.234.760
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	114.686.431.884	151.706.340.988
Chi phí nhân công	18.922.849.977	16.241.368.338
Chi phí khấu hao	2.157.986.773	2.486.298.913
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.891.667.557	2.481.984.224
Chi phí khác	7.341.702.325	28.638.087.027

38. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	181.099.470	179.689.496
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	206.561.806	4.408.384.466
Lợi ích của lỗ tính thuế được ghi nhận	-	(815.879.813)
	206.561.806	3.592.504.653
Chi phí thuế thu nhập	387.661.276	3.772.194.149

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Lỗi kế toán trước thuế	(8.947.927.777)	(3.215.611.199)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(1.789.585.555)	(707.434.464)
Ảnh hưởng của các bút toán hợp nhất	33.322.640	3.956.867.189
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	-	(22.270.979)
Chi phí không được khấu trừ thuế	289.999.315	474.357.994
Thu nhập không bị tính thuế	(158.419.815)	(140.866.337)
Sử dụng các khoản lỗ tính thuế	(32.926.710)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với lỗ tính thuế	2.362.046.241	211.540.746
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các chênh lệch tạm thời khác	(316.774.840)	-
	387.661.276	3.772.194.149

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế cho năm 2016 (2015: 22%).

39. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được dựa trên số lỗ thuộc về cổ đông phổ thông là 9.333 triệu VND (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015: lỗ 6.988 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 21.573.983 cổ phiếu (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015: 21.573.983 cổ phiếu). Trong 6 tháng đầu năm 2016, Công ty không có kế hoạch trích lập Quỹ Khen thưởng phúc lợi.



Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

40. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Công ty liên kết		
<i>Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không</i>		
Cổ tức	-	604.900.000
Bán hàng hóa và dịch vụ	12.919.006.168	3.142.724.406
Thành viên Ban Giám đốc		
Lương và thưởng	2.198.500.000	1.342.500.000

15 -08- 2016

Người lập:



Nguyễn Hải Yến
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:





Nguyễn Trần Hiền
 Kế toán trưởng

Phạm Việt Giang
 Tổng Giám đốc

